

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 8 - 2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hà và bà Lê Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, S năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức S, S năm 1975; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị T, S năm 1957; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt: Chị T; anh S và bà T vắng mặt phiên tòa lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2023, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T; lời khai của bị đơn anh Nguyễn Đức S, cùng các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức S lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/5/1996 tại UBND xã Đ, huyện Lý Nhân, tỉnh Nam Hà (nay là tỉnh Hà Nam). Quá trình chung sống vợ chồng phát S mâu thuẫn.

Theo chị Nguyễn Thị T trình bày: Vợ chồng chị chung sống hòa thuận đến năm 2009 thì phát S nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn ban đầu là về vấn đề kinh tế, do vợ chồng chị làm nhà, tiền làm không đủ phải vay mượn, chơi hội (còn gọi là chơi họ) để lấy tiền hội trước về làm nhà. Hàng tháng đến ngày phải trả tiền hội, vợ chồng không có tiền trả thì anh S đánh, chửi chị. Chị T và anh S mâu thuẫn căng thẳng nhất vào năm 2012, khi vợ chồng cùng buôn trái cây ở thành phố Hồ Chí Minh, do anh S khóa xe máy, chị T không có xe để đi chợ buôn trái cây. Chị T phải thuê người làm dịch vụ vận chuyển trở hàng giúp. Người trở hàng cho chị, kém chị tới 9 tuổi nhưng anh S lại ghen tuông, nghi ngờ cho rằng chị phản bội anh quan hệ ngoại tình với người lái xe và anh S thường xuyên đánh, chửi chị. Sau đó giữa anh S và người lái xe xảy ra va chạm, mâu thuẫn, người lái xe đã dùng dao chém anh S vào bàn tay, bị rách da phải đi viện chữa trị, dẫn đến vợ chồng chị mâu thuẫn, mỗi người sống một nơi. Đến năm 2013, được bố mẹ 02 bên gia đình hòa giải, động viên chị và anh S bỏ qua tất cả mọi chuyện để tiếp tục chung sống cùng nhau. Nhưng quá trình chung sống, anh S thường xuyên mang chuyện cũ ra để mắng chửi chị, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị, nói chị là: “*Durc trai về để chém chồng*”. Chị T không chịu đựng được nên cuối năm 2013, chị đã bỏ nhà đi lao động ở Đài Loan. Trong khoảng thời gian 05 năm đi làm ở Đài Loan, toàn bộ tiền lương, thu nhập chị T đều gửi về cho anh S ở nhà chăm lo cho các con và xây nhà thêm tầng 2, với mong muốn anh S nghĩ lại, bỏ qua mọi chuyện để vợ chồng chung sống đoàn tụ nhưng anh S vẫn thường xuyên riết móc, chửi bới chị T thậm tệ và anh S còn công khai quan hệ ngoại tình với một người phụ nữ ở gần nhà. Vì vậy năm 2018 chị T đã chấm dứt hợp đồng lao động về nước nhưng chị không về chung sống cùng anh S mà về ở tại nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn T, xã Đ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh S.

Anh Nguyễn Đức S cho rằng: Anh và chị T chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát S nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh đi buôn trái cây ở thành phố Hồ Chí Minh, anh phát hiện chị T phản bội anh quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Chị T thường hay kiếm có đi chợ để đi sớm, về muộn, anh đã nhiều lần góp ý nhưng chị T không thay đổi nên anh bức tức có khóa xe máy lại không cho chị T đi chợ nữa. Anh S và chị T mâu thuẫn căng thẳng nhất là vào năm 2012 do người tình của chị T thuê người mang dao, kiếm đến đuổi chém anh S. Anh S đã đưa chị T chuyển nhà trọ đi ở chỗ khác nhưng chị T lại gọi điện báo tin cho người tình đến đâm anh S 01 nhát vào vai và chém 01 nhát vào cánh tay, máu chảy lênh láng khắp nhà nhưng chị T không đưa anh S đi cấp cứu mà bỏ đi theo người tình. Sau khi được chữa trị ở bệnh viện và được bố mẹ 02 bên gia đình hòa giải, anh S có tha thứ cho chị T về chung sống cùng nhưng vợ chồng anh vẫn tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị T đã tự ý bỏ nhà đi lao động ở Đài Loan trong khoảng 04 - 05 năm, chị T vẫn gửi tiền về để anh S ở nhà nuôi con. Đến năm 2018 chị T hết hạn hợp đồng lao động về nước nhưng không về chung sống cùng anh S mà bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Đ ở. Khi bố đẻ anh S chết, chị T biết nhưng cũng không về chịu tang. Nay chị T có đơn khởi kiện ly hôn, anh S xác định tình

cảm vợ chồng không còn, anh không đồng ý cho chị T về đoàn tụ nhưng cũng không đồng ý ly hôn. Anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị T về tại gia đình nhà anh xin lỗi anh vì đã dẫn trai về chém chồng, còn không anh sẽ không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung là Nguyễn Thị H, S năm 1997 và Nguyễn Hồng P, S năm 2001, đều đã trên 18 tuổi, đủ tuổi trưởng thành, tự lập theo quy định pháp luật. Vợ chồng không phải trách nhiệm nuôi dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải nhưng anh S vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh Nguyễn Đức S. Các vấn đề khác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật; việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật; anh S không tham gia buổi hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và nhiều lần vắng mặt phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức S. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị T cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã kết hợp cùng chính quyền địa phương xã Đ tổng đặt trực tiếp các văn bản tố tụng, hướng dẫn làm bản tự khai, ghi lời khai của anh Nguyễn Đức S. Anh S có cung cấp lời khai nhưng từ chối ký biên bản lấy lời khai và không tham gia tố tụng, gây cản trở quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự khác và hoạt động tố tụng của Tòa án, nhiều lần vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đối với anh S theo điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức S là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T là do vợ chồng làm nhà, vay mượn, nợ nần nhiều và anh S còn hay ghen tuông đánh, chửi chị. Anh S cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T phản bội anh quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, chị T còn dẫn trai về chém chồng. Chị T và anh S đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị T có đơn khởi kiện ly hôn, anh S không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh không chấp nhận cho chị T về chung sống đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Con chung của chị T và anh S là Nguyễn Thị H, S năm 1997 và Nguyễn Hồng P, S năm 2001, đều đã đủ tuổi trưởng thành, tự lập theo quy định pháp luật. Chị T và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức S.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số: AA/2021/0001856 ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, đối với chị T kể từ ngày tuyên án. Với anh S kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Đ, huyện Lý Nhân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thành Nam